

Số: 24 /HDLS-SGD&ĐT –
STC - SLĐ-TB&XH

Bến Tre, ngày 22 tháng 02 năm 2011

HƯỚNG DẪN

Về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLB-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015 trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Công văn số 350/UBND-VHXXH ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (cả GDTX) công lập từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015 trên địa bàn tỉnh Bến Tre như sau:

A. Quy định về miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

I. Đối tượng không phải đóng học phí: Thực hiện ở điều 3 – chương II theo Nghị định 49 của Chính phủ.

II. Đối tượng được miễn học phí: Thực hiện theo quy định tại điều 4 chương II, Nghị định 49 của Chính phủ; điều 2 theo Thông tư 29 của liên tịch. Lưu ý các khoản b, c và d mục 1 điều 2 như sau:

1/. Khoản b mục 1 điều 2: Theo Nghị định số 116/2003 và Quyết định số 106/2004 của Chính Phủ các xã biên giới biển và các xã bãi ngang ở địa bàn tỉnh Bến Tre như sau:

SỐ TT	TÊN XÃ	HUYỆN
01	Bình Thắng	Bình Đại
02	Thừa Đức	Bình Đại
03	Thới Thuận	Bình Đại
04	Bảo Thạnh	Ba Tri
05	Bảo Thuận	Ba Tri
06	Tân Thủy	Ba Tri
07	An Thủy	Ba Tri
08	Thạnh Hải	Thạnh Phú
09	Thạnh Phong	Thạnh Phú
10	An Quy	Thạnh phú
11	An Thuận	Thạnh Phú
12	An Nhơn	Thạnh Phú

2/. Khoản c mục 1 điều 2: Trẻ em đi nhà trẻ, học mẫu giáo và học sinh sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế. Cụ thể:

+ Người tàn tật bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng khác nhau, bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên, được Hội đồng giám định y khoa hoặc cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận theo qui định của Bộ Y tế hoặc được xác nhận theo quy định tại Luật Người Khuyết tật 51/2010/QH12 được ban hành ngày 17/6/2010 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2011.

+ Người tàn tật có khó khăn về kinh tế:

* Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động;

* Học sinh mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hạn, dịch bệnh trong thời gian theo học;

* Học sinh là thành viên thuộc hộ nghèo, hộ có thu nhập trên chuẩn nghèo tối đa bằng 150% chuẩn nghèo.

3/. Khoản d mục 1 điều 2: Trẻ em, học sinh có mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại điều 78 của Bộ Luật Dân sự; Điều 78 Tuyên bố một người mất tích: Khi một người biệt tích hai năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc người đó còn sống hay đã chết thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án có thể tuyên bố người đó mất tích. Thời hạn hai năm được tính từ ngày biết được tin tức cuối cùng về người đó; nếu không xác định được ngày có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của tháng tiếp theo tháng có tin tức cuối cùng; nếu không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng.

Ngoài các đối tượng quy định theo Thông tư liên tịch số 29, bổ sung thêm đối tượng : Trẻ em đi nhà trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

III. Đối tượng giảm học phí: Thực hiện theo quy định tại điều 5, chương II Nghị định 49 của Chính phủ; mục 2 – điều 2 theo Thông tư liên tịch số 29 .

IV/. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo quy định tại điều 6, chương II Nghị định 49 của Chính Phủ; mục 3 – điều 3 theo Thông tư liên tịch số 29 .

V/ . Cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập (Trình tự, thủ tục, hồ sơ, phương thức chi trả, thời điểm được hưởng): thực hiện theo quy định tại điều 3 thông tư liên tịch số 29.

VI/. Nguồn kinh phí và công tác lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí chi trả cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập: thực hiện theo quy định tại điều 4 của thông tư liên tịch số 29. Riêng năm 2011, đối với học phí cấp bù và hỗ trợ chi phí học tập được thực hiện như sau:

1/. Đối với học phí cấp bù: Các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập, lập các thủ tục theo thông tư hướng dẫn số 29 của liên Bộ, các đối tượng được cấp bù học phí theo thời điểm qui định gửi về phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp và các đơn vị trực thuộc Sở gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (phòng Kế hoạch – Tài chính) chậm nhất là ngày 15 tháng 3 năm 2011 để Sở tổng hợp gửi về Sở Tài chính.

2/. Đối với hỗ trợ chi phí học tập: Các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập, lập các thủ tục theo thông tư liên tịch số 29, các đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo thời điểm qui định và gửi về phòng Giáo dục và Đào tạo (kể cả

các đơn vị trực thuộc Sở trên địa bàn) để tổng hợp gửi về Phòng Lao động- Thương binh và xã hội các huyện, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo (phòng Kế hoạch – Tài chính) chậm nhất là ngày 15 tháng 3 năm 2011 để Sở tổng hợp gửi về Sở Tài chính.

VII/. Mức thu học phí: Thực hiện theo Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

1/. Mức thu học phí:

1. Mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (GDTX) công lập năm học 2010 - 2011 trên địa bàn tỉnh Bến Tre như sau:

Cấp học	Mức thu học phí mới năm học 2010-2011 (Mức học phí/học sinh/tháng)	
	Vùng thành thị (phường thuộc thành phố, thị trấn thuộc huyện)	Vùng nông thôn (các xã còn lại)
1. Giáo dục mầm non:		
- Nhà trẻ	60.000đ	40.000đ
- Mẫu giáo 1 buổi.	40.000đ	20.000đ
- Mẫu giáo 2 buổi	50.000đ	30.000đ
- Mẫu giáo bán trú.	60.000đ	40.000đ
2. Giáo dục phổ thông:		
- Trung học cơ sở.	50.000đ	30.000đ
- Trung học phổ thông (cả HS Chuyên)	60.000đ	40.000đ
3. Giáo dục thường xuyên:		
- Cấp Trung học phổ thông	80.000đ	

2. Thời gian thu học phí năm học 2010-2011

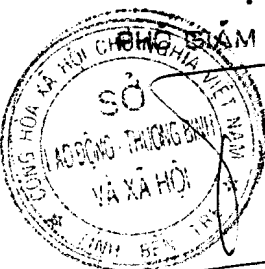
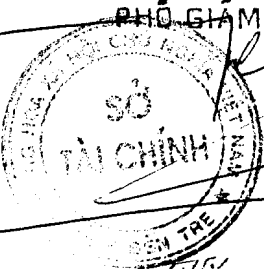

Riêng năm học 2010 – 2011: Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đã thu học phí từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2010 với mức học phí cũ, tiếp tục thu học phí mới theo bảng trên, từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2011. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đã thu học phí mức cũ từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2010 và tháng 01 đến tháng 5 năm 2011 (thu trọn năm học), thì tiếp tục thu thêm khoản chênh lệch giữa mức học phí mới và mức học phí cũ từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2011.

VIII/. Tổ chức thực hiện :

Căn cứ vào quy định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 và Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ để tổ chức thực hiện .

Các Nghị định, Quyết định của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn có liên quan về học phí; Các đơn vị cập nhật vào Website của Sở Giáo dục và Đào tạo theo địa chỉ: WWW.bentre.edu.vn/ - Phòng Kế hoạch – Tài chính.

Trên đây là hướng dẫn liên sở : Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Tài chính và Sở Lao động- Thương binh và xã hội về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Đề nghị các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục - Đào tạo, Phòng Tài chính, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố, các cơ sở Giáo dục Mầm non, Giáo dục phổ thông, Giáo dục thường xuyên phối hợp tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để cùng xem xét, giải quyết./.

SỞ LAO ĐỘNG - TB VÀ XH **SỞ TÀI CHÍNH** **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
PHÓ GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
  
Ngũ Văn Hòa *Hồ Văn Ninh* *Kiến Tàiết*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (để báo cáo)
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở GD&ĐT-TC-LĐTBXH (chỉ đạo thực hiện)
- Các Sở, ngành tỉnh (phối hợp thực hiện);
- UBND huyện, thành phố (thực hiện);
- Phòng GD&ĐT huyện, thành phố (thực hiện);
- Các cơ sở GDMN, PT, GDTX (thực hiện);
- Lưu: VT các Sở, KHTC.